TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 6 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Liêm
Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Trương Kim S; Sinh năm: 1979; Địa chỉ: số 149F đường Ng, khóm T, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Trương Đình C; Sinh năm: 1975; Địa chỉ: số 211 đường L.T, khóm S, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2023, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Kim S trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Đình C kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 29/10/2009. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, ông C không lo làm ăn nên phát sinh mâu thuẫn. Trước đây bà đã yêu cầu ly hôn nhưng rút yêu cầu khởi kiện vì tạo điều kiện cho ông C sửa đổi nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn, bà S yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Không có con chung không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Trương Đình C đã được Tòa án tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của bà S nhưng ông C không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Trương Kim S và ông Trương Đình C kết hôn có đăng ký kết hôn tại kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 29/10/2009, đúng quy định của pháp luật. Bà S yêu cầu ly hôn với ông C. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Trương Đình C mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập ông C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải đến lần thứ hai và tống đạt hợp lệ giấy triệu tập ông C tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà S yêu cầu ly hôn với ông C với lý do vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Ông C không có yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà S, bỏ mặc không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà S. Trước đây, vào ngày 15/6/2022 bà S đã yêu cầu ly hôn nhưng rút yêu cầu khởi kiện và được đình chỉ vụ án ngày 06/7/2022 để hàn gắn vợ chồng nhưng vẫn không khắc phục được những mâu thuẫn của vợ chông. Nên việc bà S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà S được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà S xác định không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C không có ý kiến về con chung, không yêu cầu phân chia tài sản chung, cũng như không yêu cầu giải quyết trách nhiệm trả nợ. Đến nay, không ai khác yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của bà S và ông C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà S phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Trương Kim S được ly hôn với ông Trương Đình C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà Trương Kim S phải nộp. Ngày 18/4/2023 bà Trương Kim S đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0003213 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 2, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

Phan Thị Thu